

Số : 183/CBTT-2024

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

- Mã chứng khoán : GMC
- Địa chỉ : 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ : 028 39844822 Fax: 028 39844746
- E-mail: headoffice@garmex.vn website: <https://www.garmex.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2024.
- Giải trình lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2024 kèm biện pháp và lộ trình khắc phục tình trạng lỗ (Báo cáo tình hình khắc phục tình trạng chứng khoán bị kiểm soát định kỳ Quý 3/2024).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/10/2024 tại đường dẫn <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm :

- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 3/2024
- Công văn giải trình số 182/CV-2024

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH HẰNG

CÔNG TY CỔ
PHẦN
GARMEX SÀI
GÒN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
GARMEX SÀI GÒN
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận Gò
Vấp, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX
SÀI GÒN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0300742387
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2024.10.30 14:20:30+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.3.0

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 NGUYỄN VĂN LƯỢNG, PHƯỜNG 17, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MST: 0300742387

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ III/2024***



Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
- Bảng cân đối kế toán riêng	1-4
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6-7
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	8-36

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND
				Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		176,692,385,928	184,207,788,413
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	76,531,748,559	26,272,045,328
1. Tiền	111		10,531,748,559	7,172,045,328
2. Các khoản tương đương tiền	112		66,000,000,000	19,100,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	3,600,000,000	65,968,685,907
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3,600,000,000	65,968,685,907
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52,977,286,675	52,212,890,166
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	4,078,875,430	52,813,872,628
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.1	52,492,419,095	51,778,478,593
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	349,574,420	281,617,900
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6.	(3,943,582,270)	(52,661,078,955)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
III. Hàng tồn kho	140	V.7.	31,575,484,667	28,064,188,019
1. Hàng tồn kho	141		66,494,512,894	63,525,622,512
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(34,919,028,227)	(35,461,434,493)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		12,007,866,027	11,689,978,993
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	472,494,553	918,785,912
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.16.	10,289,155,702	9,321,258,722
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16.	1,246,215,772	1,449,934,359
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	221,504,761,711	219,312,804,959
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211 V.3.2	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212 V.4.2	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	79,486,495,074	87,117,716,089
1. Tài sản cố định hữu hình	221 V.10.	79,014,254,936	86,506,029,319
- Nguyên giá	222	267,368,475,752	284,301,769,752
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(188,354,220,816)	(197,795,740,433)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227 V.11.	472,240,138	611,686,770
- Nguyên giá	228	5,644,262,740	5,644,262,740
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(5,172,022,602)	(5,032,575,970)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	13,380,169,682	13,380,169,682
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242 V.9.	13,380,169,682	13,380,169,682
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	121,016,586,219	110,589,779,961
1. Đầu tư vào công ty con	251 V.12.	101,000,000,000	101,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	23,914,030,000	23,914,030,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15,395,180,000	15,395,180,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(19,292,623,781)	(29,719,430,039)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	7,621,510,736	8,225,139,227
1. Chi phí trả trước dài hạn	261 V.8.2	7,425,345,236	8,001,724,768
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262 V.13.	196,165,500	223,414,459
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270= 100+200)	270	398,197,147,639	403,520,593,372

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		18,278,711,829	21,130,001,481
I. Nợ ngắn hạn	310		17,297,884,329	20,012,929,185
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14.1	12,882,420,202	16,074,892,244
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15.1	94,017,220	170,527,420
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16.	1,281,190,886	-
4. Phải trả người lao động	314	V.17.	388,596,386	370,647,239
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18.	-	263,265,767
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19.1	2,131,843,461	2,613,780,341
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20.	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21.	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22.	519,816,174	519,816,174
13. Quỹ bình ổn giá	323	V.23.	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		980,827,500	1,117,072,296
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14.2	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.15.2	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.18.2	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19.2	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19.2	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20.2	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24.	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21.2	980,827,500	1,117,072,296
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	379,918,435,810	382,390,591,891
I. Vốn chủ sở hữu	410 V.23.	379,918,435,810	382,390,591,891
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	330,002,590,000	330,002,590,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	330,002,590,000	330,002,590,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	72,687,827,370	72,687,827,370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	(863,138,686)	(863,138,686)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	67,754,774,402	67,754,774,402
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(89,663,617,276)	(87,191,461,195)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(87,191,461,195)	(47,611,406,130)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	(2,472,156,081)	(39,580,055,065)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	398,197,147,639	403,520,593,372

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Trần Thị Thu Trâm
Người lập biểu**Trần Thị Mỹ Hạnh**
Kế toán trưởng
Nguyễn Minh Hằng
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2024	Quý 3/2023	Lũy kế Năm Nay	Lũy kế Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	115,076,105	73,384,200	1,744,537,619	8,455,699,015
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		115,076,105	73,384,200	1,744,537,619	8,455,699,015
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	7,159,381	-	1,278,936,381	8,782,818,570
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		107,916,724	73,384,200	465,601,238	(327,119,555)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	838,086,899	1,824,368,901	3,397,370,587	3,966,491,001
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	25,204,500	1,957,303,284	(10,426,806,258)	8,838,333,997
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6.	-	-	-	8,319,462
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	6,632,734,435	9,953,017,130	22,520,533,540	25,670,137,940
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(5,711,935,312)	(10,012,567,313)	(8,230,755,457)	(30,877,419,953)
11. Thu nhập khác	31	VI.8.	1,696,826	85,924,565	5,938,226,369	121,990,840
12. Chi phí khác	32	VI.9.	-	-	9,578,034	75,000,000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1,696,826	85,924,565	5,928,648,335	46,990,840
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(5,710,238,486)	(9,926,642,748)	(2,302,107,122)	(30,830,429,113)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11.	-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11.	5,668,750	4,637,189	27,248,959	2,656,912,988
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(5,715,907,236)	(9,931,279,937)	(2,329,356,081)	(33,487,342,101)

Ngày 30 tháng 10 năm 2024

Trần Thị Thu Trâm
 Người lập biểu

Trần Thị Mỹ Hạnh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Hằng
 Tổng Giám Đốc

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế Năm Nay	Lũy kế Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(2,302,107,122)	(30,830,429,113)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	7,631,221,015	7,825,061,191
- Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	03	(11,055,496,521)	(4,037,750,790)
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(103,586,172)	(1,732,036,489)
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8,928,273,749)	(534,748,340)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(14,758,242,549)	(29,309,903,541)
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(1,227,518,382)	(11,531,593,085)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(2,968,890,382)	(2,003,868,350)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(473,283,205)	(27,122,051,403)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	1,022,670,891	2,282,702,002
- (Tăng), giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(142,800,000)	(294,459,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(18,548,063,627)	(67,979,173,877)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2,241,767,701)	(1,698,071,069)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5,769,600,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(46,500,000,000)	(82,789,903,522)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	108,868,685,907	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	(19,573,030,000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế Năm Nay	Lũy kế Năm trước
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,857,617,229	534,748,340
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	68,754,135,435	(103,526,256,251)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	(20,866,820,000)
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	
5. Tiền trả nợ gốc cho thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(20,866,820,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	50,206,071,808	(192,372,250,128)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	26,272,045,328	205,426,162,304
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	53,631,423	200,640,716
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	76,531,748,559	13,254,552,892


Trần Thị Thu Trâm
 Người lập biểu


Trần Thị Mỹ Hạnh
 Kế toán trưởng




Nguyễn Minh Hằng
 Tổng Giám Đốc

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

I. Đặc điểm hoạt động của công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 1 năm 2004, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận ĐKKD là: 330,002,590,000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30/09/2024 là: 330,002,590,000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 252 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may

- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. (Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13, trừ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng kỹ thuật)

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại.

- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận xuất khẩu, nhập khẩu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)

- Hoàn thiện sản phẩm dệt, Chi tiết: Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở)

- Sản xuất vải dệt thoi. Chi tiết: Công nghiệp dệt vải các loại;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)

- Vận tải hành khách đường bộ khác;

- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi, bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn, loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở; trừ bán lẻ các sản phẩm như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý, đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;

Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, kim loại hoặc bằng các vật liệu khác.

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết : Đại lý môi giới các sản phẩm may mặc (trừ bán các sản phẩm như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết :thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của Pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết Quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa: Chi tiết:dịch vụ y tế và nha khoa, dịch vụ y tế đa khoa, dịch vụ y tế chuyên khoa
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ kho bãi (CPC 742).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 7480)
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết:

Dịch vụ thuê hoặc cho thuê máy móc thiết bị khác không có người điều hành (CPC 83109)

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 02 công ty con trực tiếp và 01 công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

Số lượng các Công ty con được riêng: 03 công ty

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp: 02 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư gián tiếp: 1 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp được riêng: 02 công ty.

Danh sách các Công ty con được riêng:

- (1) Công ty TNHH Garmex Quảng Nam

+ Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- (2) Công ty TNHH May Tân Mỹ

+ Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- (3) Blue Saigon LLC

+ Địa chỉ: Số 11100 Đường Valley Boulevard, Phòng 222, Thành Phố E1 Monte, tiểu bang California, mã số bưu điện CA91731, Hoa Kỳ.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

- + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- + Blue Saigon LLC đang trong quá trình tái cấu trúc và tạm thời ngưng hoạt động vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Ngày 22/11/2023, Blue Saigon LLC đã làm hồ sơ gửi Bang California để xin giải thể. Ngày 1/12/2023, Công ty nhận được chấp nhận cho phép giải thể của Bang California. Ngày 11/09/2024, Công ty đã nhận được quyết định số 2200/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế Hoạch Đầu Tư Việt Nam về việc cho phép chấm dứt hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của Blue Saigon LLC

Số lượng nhân viên của Công Ty tại ngày 30/09/2024 là : 23 người x

Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết

- Công ty Cổ phần Phú Mỹ
 - + Địa chỉ: Khu phố Trảng Cát, phường Hắc Dịch, thị xã
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 32,47%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 32,47%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung

2. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

3. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa : chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm: giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và

các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	4 - 8 năm
Tài sản vô hình	3 - 5 năm

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

8. Các chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Phú Mỹ số 02/HĐ-TĐ vào ngày 26 tháng 10 năm 2007 trong thời hạn 43 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

9. Các khoản đầu tư**Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

13. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo mức bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương theo Luật lao động và các hướng dẫn có liên quan. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm ngoại trừ phần thanh toán cho người lao động

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

Khoản trợ cấp mất việc làm trích này được sử dụng để trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo điều 47 của Bộ luật lao động.

14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

15. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

16. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo Quyết định của Đại hội cổ đông và được phê duyệt tại cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

17. Ghi nhận doanh thu

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê

18. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

+ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

+ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

+ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

+ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

DVT : VNĐ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền mặt (*)	66,647,545	919,667
Tiền gửi ngân hàng (**)	10,465,101,014	7,171,125,661
Tiền gửi VND	6,470,289,050	365,528,182
Tiền gửi ngoại tệ	3,994,811,964	6,805,597,479
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi tiết kiệm dưới 3 tháng)	66,000,000,000	19,100,000,000
Ngân hàng TMCP VCB - CN Tân Sơn Nhất	6,200,000,000	10,000,000,000
Ngân hàng TMCP Eximbank	42,300,000,000	2,600,000,000
Ngân Hàng OCB	17,500,000,000	6,500,000,000
Tổng cộng	76,531,748,559	26,272,045,328

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

2.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Ngân hạn:	3,600,000,000	3,600,000,000	65,968,685,907	65,968,685,907
- Tiền gửi có kỳ hạn (trên 3 tháng)	3,600,000,000	3,600,000,000	65,968,685,907	65,968,685,907
Ngân hàng TMCP VCB - CN Tân Sơn Nhất			10,768,685,907	10,768,685,907
Ngân hàng TMCP Eximbank	3,600,000,000	3,600,000,000	55,200,000,000	55,200,000,000
Tổng cộng	3,600,000,000	3,600,000,000	65,968,685,907	65,968,685,907

3. Phải thu của khách hàng

3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	82,371,402	48,849,828,886
Blue Sai gon LLC	-	48,767,457,484
CÔNG TY TNHH GARMEX QUẢNG NAM	82,371,402	82,371,402
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	3,996,504,028	3,964,043,742
TOPO DESIGNS	3,809,511,000	3,759,550,201
Công ty TNHH JSP Việt Nam	133,066,217	133,066,217
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ NHÀ BÈ	4,100,968	4,100,968
CÔNG TY TNHH SỸ NAM	1,005,053	1,005,053
Các khách hàng khác	48,820,790	66,321,303
Cộng phải thu khách hàng ngắn hạn	4,078,875,430	52,813,872,628

4. Trả trước cho người bán

4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	49,237,383,447	48,639,496,957
CÔNG TY TNHH MAY TÂN MỸ	49,237,383,447	48,639,496,957
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	3,255,035,648	3,138,981,636
CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC LẠC VIỆT	741,727,000	741,727,000
TRUNG TÂM THIẾT BỊ PCCC 4/10	1,768,852,080	1,768,852,080
CÔNG TY TNHH MTV PT CN MT BÁCH KHOA	59,304,200	35,298,000
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỸ PHÚ	125,400,000	125,400,000
CTY TNHH SX DV TM CÁCH KIÊM	75,000,000	75,000,000
CÔNG TY TNHH THẨM ĐỊNH GIÁ CHUẨN VIỆT	38,500,000	38,500,000
CTY TNHH CÔNG NGHỆ A.N.S.I	25,642,500	25,642,500
CN TẠI TP HCM-CTY CP TV DV VÊ TS BĐS DATC(TP HNỘI)	10,000,000	10,000,000
Các nhà cung cấp khác	410,609,868	318,562,056
Tổng cộng	52,492,419,095	51,778,478,593

5. Phải thu khác

5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tạm ứng	10,900,000	244,000,000
NGUYỄN ANH TUẤN	10,900,000	-
THÁI HOÀNG LONG		2,000,000
NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC		242,000,000
- Phải thu khác	338,674,420	37,617,900
NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN - CN TP HCM	23,229,801	15,713,790
NGÂN HÀNG OCB PGD PHỐ QUANG	315,444,619	21,904,110
Cộng phải thu ngắn hạn khác	349,574,420	281,617,900

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**6. Nợ xấu**

Chi tiết	Số cuối năm/kỳ			Số đầu năm			Giá gốc USD đầu kỳ	Giá gốc USD cuối kỳ
	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		
Blue Sài Gòn LLC	-	-	-	(48,767,457,484)	48,767,457,484	-	2,025,226.64	-
Công ty TNHH JSP Việt Nam	(133,066,217)	133,066,217	-	(133,066,217)	133,066,217	-		
Cty TNHH Sỹ Nam	(1,005,053)	1,005,053	-	(1,005,053)	1,005,053	-		
Topo Designs	(3,809,511,000)	3,809,511,000	-	(3,759,550,201)	3,759,550,201	-	156,127.50	156,127.50
Số cuối năm/kỳ	(3,943,582,270)	3,943,582,270	-	(52,661,078,955)	52,661,078,955	-	2,181,354.14	156,127.50

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	24,213,025,551	(20,117,874,802)	21,326,283,452	(20,660,281,068)
- Công cụ, dụng cụ	122,657,263	-	122,657,263	-
- Thành phẩm	42,096,669,203	(14,801,153,425)	42,076,681,797	(14,801,153,425)
- Hàng hóa	62,160,877	-	-	-
Tổng cộng	66,494,512,894	(34,919,028,227)	63,525,622,512	(35,461,434,493)

8. Chi phí trả trước

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Máy móc thiết bị	112,901,052	368,905,780
- Công cụ, dụng cụ	127,911,356	288,998,842
- Phần mềm	600,000	4,169,005
- Chi phí khác	231,082,145	256,712,285
Cộng chi phí trả trước ngắn hạn	472,494,553	918,785,912
8.2 Chi phí trả trước dài hạn		
- Quyền SD đất	7,254,292,933	7,430,273,083
- Máy móc thiết bị	5,346,920	305,478,739
- Công cụ, dụng cụ	98,700,431	175,818,780
- Chi phí khác	67,004,952	90,154,166
Cộng chi phí trả trước dài hạn	7,425,345,236	8,001,724,768
Tổng cộng	7,897,839,789	8,920,510,680

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Tiền đất tại 213 Hồng Bàng, Q5(*)	10,020,000,000	10,020,000,000
- Tiền đất xây dựng nhà ở cho công nhân tại Cụm Công Nghiệp Hắc Dịch(**)	1,830,600,000	1,830,600,000
- Xây dựng cơ bản 213 Hồng Bàng	1,529,569,682	1,529,569,682
Cộng	13,380,169,682	13,380,169,682

(*) Đây là số tiền Công ty đã nộp vào Ngân sách Nhà nước theo thông báo định giá quyền sử dụng đất tại 213 Hồng Bàng (đã hết hiệu lực), hiện công ty đang trong quá trình chờ hướng dẫn chỉ đạo tiếp theo từ các cơ quan ban ngành có liên quan.

(**) Đây là số tiền Công ty đã thanh toán cho Công ty cổ phần Phú Mỹ để mua hai thửa đất số 479 và 450 tại Tổ B, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xây dựng nhà ở cho công nhân.

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	140,229,429,519	116,569,207,352	13,031,692,135	14,471,440,746		284,301,769,752
3. Số giảm trong năm	-	16,405,434,000	-	527,860,000		16,933,294,000
- Thanh lý, nhượng bán	-	16,405,434,000	-	527,860,000		16,933,294,000
4. Số dư cuối năm	140,229,429,519	100,163,773,352	13,031,692,135	13,943,580,746		267,368,475,752
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	64,460,425,870	109,500,967,946	12,433,223,910	11,401,122,707		197,795,740,433
2. Khấu hao trong năm	4,258,037,673	2,262,011,104	232,079,333	739,646,273		7,491,774,383
- Khấu hao tăng trong năm	4,258,037,673	2,262,011,104	232,079,333	739,646,273		7,491,774,383
3. Giảm trong năm	-	16,405,434,000	-	527,860,000		16,933,294,000
- Thanh lý, nhượng bán	-	16,405,434,000	-	527,860,000		16,933,294,000
4. Số dư cuối năm	68,718,463,543	95,357,545,050	12,665,303,243	11,612,908,980		188,354,220,816
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	75,769,003,649	7,068,239,406	598,468,225	3,070,318,039	-	86,506,029,319
2. Tại ngày cuối năm	71,510,965,976	4,806,228,302	366,388,892	2,330,671,766	-	79,014,254,936

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn
 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
Báo cáo tài chính riêng
 Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Khác	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	5,644,262,740	5,644,262,740
4. Số dư cuối năm	-	-	-	5,644,262,740	5,644,262,740
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	5,032,575,970	5,032,575,970
2. Khấu hao trong năm	-	-	-	139,446,632	139,446,632
- Khấu hao tăng trong năm	-	-	-	139,446,632	139,446,632
4. Số dư cuối năm	-	-	-	5,172,022,602	5,172,022,602
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	611,686,770	611,686,770
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	472,240,138	472,240,138

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**12. Đầu tư tài chính dài hạn**

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Cuối kỳ			Đầu kỳ		
		Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá trị hợp lý
12.1 Đầu tư vào công ty con		101,000,000,000	(15,000,000,000)	86,000,000,000	101,000,000,000	(24,796,693,758)	76,203,306,242
Công ty TNHH May Tân Mỹ	100	15,000,000,000	(15,000,000,000)	-	15,000,000,000	(15,000,000,000)	-
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	100	86,000,000,000		86,000,000,000	86,000,000,000	(9,796,693,758)	76,203,306,242
12 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		23,914,030,000	(2,739,410,281)	21,174,619,719	23,914,030,000	(2,739,410,281)	21,174,619,719
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	32.67	23,914,030,000	(2,739,410,281)	21,174,619,719	23,914,030,000	(2,739,410,281)	21,174,619,719
12 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15,395,180,000	(1,553,213,500)	13,841,966,500	15,395,180,000	(2,183,326,000)	13,211,854,000
NHNT Vietcombank	38,074	1,269,730,000	-	1,269,730,000	1,269,730,000		1,269,730,000
NHTM CP Việt Á	252,045	3,998,050,000	(1,553,213,500)	2,444,836,500	3,998,050,000	(2,183,326,000)	1,814,724,000
Công ty CP Đầu tư Phát Triển Gia Định	843,950	10,127,400,000	-	10,127,400,000	10,127,400,000		10,127,400,000
Tổng cộng		140,309,210,000	(19,292,623,781)	121,016,586,219	140,309,210,000	(29,719,430,039)	110,589,779,961

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại****13.1 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

	Số thuế đầu năm	Số căn cứ tính thuế	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm/kỳ	Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Số căn cứ tính thuế	Số thuế cuối năm/kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	223,414,459	1,117,072,296	(7,032,400)	(20,216,559)	101,082,796	196,165,500
Dự phòng trợ cấp thôi việc	115,228,150	576,140,750	-	(12,761,850)	63,809,250	102,466,300
Dự phòng trợ cấp mất việc	100,731,600	503,658,000	(7,032,400)	-	-	93,699,200
Dự phòng phép	7,454,709	37,273,546	-	(7,454,709)	37,273,546	-
Cộng	223,414,459	1,117,072,296	(7,032,400)	(20,216,559)	101,082,796	196,165,500
	Kỳ này/Năm nay			Kỳ này/Năm trước		
Số đầu năm	223,414,459			3,089,872,848		
Ghi nhận tăng phòng trợ cấp thôi việc	-			(11,255,270)		
Ghi nhận tăng phòng trợ cấp mất việc	(7,032,400)					
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(20,216,559)			(2,641,020,529)		
Số cuối năm/kỳ	196,165,500			437,597,049		

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn****14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả các bên liên quan	12,576,712,182	13,501,512,182
CÔNG TY TNHH GARMEX QUẢNG NAM	12,576,712,182	13,501,512,182
Phải trả các nhà cung cấp khác :	305,708,020	2,573,380,062
CÔNG TY CP DỊCH VỤ BẢO VỆ LONG HOÀNG	166,860,000	170,100,000
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG HUY THƯỚC	80,000,000	1,990,803,401
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HƯNG THẢO	-	167,964,300
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ THIÊN PHÚ GIA	7,454,545	170,454,545
CÔNG TY TNHH SX TM BAO BÌ THUẬN LỢI PHÁT	19,129,200	19,129,200
CÔNG TY TNHH DIỆT CÔN TRÙNG SỐ 1	-	16,092,000
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH K	-	8,800,000
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG 3R VIỆT NAM	-	5,400,000
CTY CP NỘI HƠI VIỆT NAM	4,184,250	4,184,250
CÔNG TY TNHH VIỆT VƯƠNG 2	3,289,000	3,289,000
CN CTY CP TM & CHUYỂN PHÁT NHANH NỘI BÀI TẠI BÌNH DƯƠNG	3,256,742	3,256,742
DA LUEN INTERNATIONAL CORP.	2,960,870	2,954,820
CÔNG TY CỔ PHẦN DTP	2,660,500	2,160,000
CÔNG TY TNHH MTV THANH SƠN	1,690,800	1,690,800
CTY TNHH ĐẦU TƯ NAM NAM PHÁT	1,675,350	1,675,350
CÔNG TY TNHH MTV TMDV VẠN NIÊN THANH	-	1,597,600
CÔNG TY TNHH TIN HỌC NGÔI SAO LỚN	1,360,000	1,360,000
CTY TNHH SXTM TRUNG KIM LONG (Tên TK: VŨ NGỌC TRUNG)	848,786	848,786
CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM	552,960	605,000
CTY TNHH MTV DV MÔI TRƯỜNG Á CHÂU	594,000	594,000
CÔNG TY CỔ PHẦN HAI BỐN BẢY	-	420,268
Các nhà cung cấp khác	9,191,017	-
Cộng	12,882,420,202	16,074,892,244

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn/dài hạn**15.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước khác	94,017,220	170,527,420
CÔNG TY TNHH HB VINA	378,493	378,493
CÔNG TY TNHH IN THÊU TÂN HÙNG NGỌC	1,028,927	1,028,927
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT ĐĂNG HUY	-	77,120,000
PHAN QUỐC KHÁNH	92,000,000	92,000,000
KHÁC	609,800	-
Cộng	94,017,220	170,527,420

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp****a. Thuế và các khoản phải nộp**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm/kỳ		Số cuối năm/kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2,032,326,530	2,032,326,530	-	-
Tiền thuê đất	-	-	4,334,448,158	3,053,257,272	1,281,190,886	-
Thuế môn bài, thuế khác	-	-	40,274,000	40,274,000	-	-
Cộng	-	-	6,407,048,688	5,125,857,802	1,281,190,886	-

b. Thuế và các khoản phải thu

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm/kỳ		Số cuối năm/kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế nhập khẩu	-	698,776,698	3,519,212,547	3,519,212,547	-	698,776,698
Thuế môn bài, thuế khác	-	-	-	-	-	-
Thuế TNDN	-	447,199,792	-	-	-	447,199,792
Thuế TNCN	-	303,957,869	225,467,508	21,748,921	-	100,239,282
Cộng	-	1,449,934,359	3,744,680,055	3,540,961,468	-	1,246,215,772

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

ĐVT: VNĐ

17. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	388,596,386	370,647,239
Cộng	388,596,386	370,647,239

18. Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn**18.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân	-	263,265,767
Tiền lương phép phải trả	-	116,189,403
Chi phí kiểm toán	-	125,000,000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác (điện, điện t	-	22,076,364
Cộng	-	263,265,767

18.2 Chi phí phải trả dài hạn**19.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải trả các bên liên quan	32,200,000	32,200,000
CÔNG TY TNHH MAY TÂN MỸ	32,200,000	32,200,000
b. Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2,099,643,461	2,581,580,341
Trợ cấp thai sản	208,995,216	208,995,216
Kinh phí công đoàn	15,608,624	1,829,664
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	297,471,079	293,831,919
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1,577,568,542	2,076,923,542
Đoàn phí công đoàn	1,440,000	-
Chia lãi cổ tức	55,588,425	56,983,425
Khoản trích thù lao HĐQT - BKS năm 2022	1,520,540,117	2,019,940,117
Cộng	2,131,843,461	2,613,780,341

20. Vay và nợ thuê tài chính**21. Dự phòng phải trả****21.2 Dự phòng phải trả dài hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Trợ cấp mất việc làm	468,496,000	503,658,000
Trợ cấp thôi việc	512,331,500	576,140,750
Phép	-	37,273,546
Cộng	980,827,500	1,117,072,296

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này / Năm nay	Kỳ này/ Năm trước
Số đầu năm	519,816,174	565,075,674
Sử dụng quỹ	-	(45,259,500)
Số cuối năm/kỳ	519,816,174	519,816,174

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**23. Vốn chủ sở hữu****ĐVT: VNĐ****Bảng đối chiếu biến động của vốn****23.1 chủ sở hữu**

Chi tiết	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Có phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại ngày đầu năm trước	330,002,590,000	72,687,827,370	(863,138,686)	-	67,754,774,402	(45,739,866,013)	-	423,842,187,073
- Trích nộp thuế của Công ty con theo số 2663/QĐ-CT ngày 27/4/2015	-	-	-	-	-	(39,182,455,065)	-	(39,182,455,065)
- Chi thù lao HĐQT năm trước	-	-	-	-	-	(1,861,540,117)	-	(1,861,540,117)
- Trích thưởng HĐQT, BKS năm trước	-	-	-	-	-	(10,000,000)	-	(10,000,000)
- Chi thù lao HĐQT-BKS năm nay	-	-	-	-	-	(158,400,000)	-	(158,400,000)
- Trích cổ tức các năm trước của cá nhân chưa đến nhận	-	-	-	-	-	(239,200,000)	-	(239,200,000)
Số dư tại ngày đầu năm nay	330,002,590,000	72,687,827,370	(863,138,686)	-	67,754,774,402	(87,191,461,195)	-	382,390,591,891
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(2,329,356,081)	-	(2,329,356,081)
- Chi thù lao HĐQT-BKS năm nay	-	-	-	-	-	(142,800,000)	-	(142,800,000)
Số dư cuối kỳ	330,002,590,000	72,687,827,370	(863,138,686)	-	67,754,774,402	(89,663,617,276)	-	379,918,435,810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

23.2 Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Cổ phiếu được phép phát hành				
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	33,000,259		33,000,259	
Cổ phiếu phổ thông	33,000,259		33,000,259	
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(49,260)	0.15%	(49,260)	0.15%
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	32,950,999	99.85%	32,950,999	99.85%
Tổng cộng	33,000,259	100%	33,000,259	

24. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	167,598.20	282,624.48
NH TNHH MTV HSBC (VIỆT NAM) - CN TPHCM		51,898.69
NGÂN HÀNG FIRST BANK	5,696.07	5,696.07
NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN - CN TPHCM	27,630.52	90,758.11
NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI - CN BẮC SÀI GÒN	134,271.61	134,271.61

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Báo cáo tài chính riêng
 Cho 09 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này năm nay		Kỳ này năm trước	
	Năm nay	Năm nay (USD)	Năm trước	Năm trước (USD)
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	40,943,549	-	7,960,627,795	13,314.09
+Doanh thu xuất khẩu	-	-	309,952,015	13,314.09
+Doanh thu nội địa	40,943,549		7,650,675,780	
- Doanh thu dịch vụ	303,594,070		-	
- Doanh thu khác (mua bán máy thanh lý đã qua sử dụng)	1,400,000,000		335,954,995	
Cộng	1,744,537,619	-	8,296,582,790	13,314.09

1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

- Các cá nhân tổ chức có liên quan	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
	Công ty TNHH May Tân Mỹ	-
Trong đó: Gia công, dịch vụ:		20,750,908
Cho thuê tài sản:		195,143,954
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	-	77,403,092
Trong đó: Gia công, dịch vụ:		68,883,092
Cho thuê tài sản:		8,520,000
Cộng	-	293,297,954
Tổng Cộng	1,744,537,619	-

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	1,821,342,647	8,782,818,570
Dự phòng dự phòng hàng tồn kho	(542,406,266)	-
Cộng	1,278,936,381	8,782,818,570

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ chênh lệch tỷ giá	238,696,838	3,361,715,000
Lãi tiền gửi	3,158,673,749	4,175,806,589
Cộng	3,397,370,587	7,537,521,589

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự phòng đầu tư vào các công ty con	(9,796,693,758)	5,571,183,157
Chi phí dự phòng đầu tư vào các công ty khác	-	5,550,286,173
Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào các công ty khác	(630,112,500)	(885,448,400)
Chi phí chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	1,263,954,535
Cộng	(10,426,806,258)	11,499,975,465



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bằng tiền khác	-	8,319,462
Cộng	-	8,319,462

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	4,715,443,406	9,409,436,595
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7,631,221,015	9,282,106,232
Chi phí đồ dùng văn phòng (CCDC)	1,179,798,126	2,606,626,459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,088,512,212	4,103,947,071
Dự phòng nợ phải thu khó đòi, giảm giá HTK	49,960,799	1,810,523,937
Chi phí khác	5,855,597,982	6,010,742,665
Cộng	22,520,533,540	33,223,382,959

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	5,769,600,000	-
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	168,626,369	-
Các khoản khác	-	121,990,840
Cộng	5,938,226,369	121,990,840

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản khác	-	75,000,000
Cộng	9,578,034	75,000,000

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	86,961,312	5,053,664
Chi phí nhân công	4,715,443,406	14,530,804,789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7,631,221,015	9,921,434,140
Chi phí Công cụ dụng cụ	1,180,575,126	2,928,886,875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,372,055,721	8,614,521,134
Dự phòng nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho	49,960,799	1,810,523,937
Chi phí khác	5,855,597,982	6,271,541,672
Cộng	23,891,815,361	44,082,766,211

11. Chi phí thuế TNDN

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều khía cạnh khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

	<u>Kỳ/Năm nay</u>	<u>Kỳ/ Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2,302,107,122)	(30,830,429,113)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trước điều chỉnh	(2,302,107,122)	(30,830,429,113)
- Các khoản điều chỉnh tăng	1,684,633,998	7,108,364,634
Chi phí không hợp lệ	68,955,341	140,167,887
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	1,620,750
Dự phòng trợ cấp mất việc	(35,162,000)	(85,776,000)
Dự phòng phép	-	6,435,231
Hoàn nhập lãi do đánh giá lại công nợ và tiền gửi có gốc ngoại tệ cuối năm trước	1,650,840,657	7,045,916,766
- Các khoản điều chỉnh giảm	238,575,018	15,910,749,369
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	1,096,483,433
Dự phòng trợ cấp thôi việc đã chi	63,809,250	4,452,096,500
Dự phòng trợ cấp mất việc đã chi	-	8,271,774,000
Dự phòng phép đã chi	37,273,546	434,217,989
Lãi do đánh giá lại công nợ và tiền gửi có gốc ngoại tệ cuối kỳ này	103,592,222	1,650,840,657
Điều chỉnh khoản chi phí đã tính thuế năm trước	33,900,000	-
Điều chỉnh khoản dự phòng hàng tồn kho của những năm trước đã tăng thu nhập chịu thuế.	-	5,336,790
Thu nhập chịu thuế	(856,048,142)	(39,632,813,848)
Lỗi các năm trước	(70,236,630,780)	(33,834,920,293)
Thu nhập tính thuế	(71,092,678,922)	(73,467,734,141)
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	27,248,959	2,866,458,389
Tổng	27,248,959	2,866,458,389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

Trong 9 tháng đầu năm 2024, Công ty vẫn còn bị tạm ngưng sản xuất kinh doanh chính, Công ty tập trung chủ yếu công tác bảo quản tài sản, xử lý và thanh lý nguyên phụ liệu tồn kho lâu năm. Tổng Giám đốc đã triển khai các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và định hướng chiến lược của HĐQT, đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế Công ty:

- Tiếp tục tiết giảm chi phí
 - Tăng cường công tác bảo quản tài sản, xử lý và thanh lý nguyên phụ liệu tồn kho lâu năm.
 - Tìm kiếm đối tác để khai thác các mặt bằng hiện có.
 - Đẩy nhanh các thủ tục để chuyển nhượng bán các tài sản không sử dụng (Tính đến ngày 30/09/2024 đã thanh lý một số máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ với số tiền là 9.281.777.903 đồng - chiếm 2,3 % tổng giá trị tài sản Công ty theo Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2024 kết thúc tại ngày 30/06/2024 đã được soát xét).
 - Công ty vẫn chưa giải quyết được hàng tồn kho tú vải với Gilimex nên vẫn chưa giao được hàng tồn kho 160.660 sản phẩm tú vải (trị giá gia công hàng tồn kho và khách hàng chưa nhận hàng là 121.907.164.547 đồng).
 - Ngày 31/08/2024, Công ty đã triển khai kinh doanh dược phẩm tại nhà thuốc tại 213 Hồng Bàng, Đồng thời trong tháng 9, Công ty có phát sinh doanh thu may chần từ nguyên phụ liệu tồn kho. Tuy nhiên doanh thu từ kinh doanh dược phẩm và may chưa đáng kể.
 - Theo dõi, thúc đẩy Công ty cổ phần Phú Mỹ về Dự án nhà ở Phú Mỹ để bán sản phẩm nhằm thu hồi vốn đầu tư. (Công ty cổ phần Phú Mỹ đã thi công xong hạ tầng)
 - Đảm bảo thu nhập ổn định và thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.
- Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn xác định bị tạm ngừng sản xuất, kinh doanh chính từ tháng 05/2023 đến nay do tình hình không có đơn hàng nêu trên.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

3 . Thông tin về các bên liên quan

a. Bên có liên quan

a. Bên có liên quan	Mối quan hệ
Công Ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con
Công Ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Công ty con
Blue Saigon LLC	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần Phú Mỹ	Công ty liên kết
Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh	Đồng nhân sự chủ chốt
Công Ty Cổ Phần Transimex	Đồng nhân sự chủ chốt
Ông Lê Văn Hùng	- Chủ Tịch HĐQT (từ ngày 05/07/2024)
Ông Nguyễn Việt Cường	- Thành viên HĐQT
Ông Bùi Minh Tuấn	- Chủ Tịch HĐQT (đến ngày 04/07/2024)
Ông Nguyễn Thế Hiếu	- Thành viên HĐQT
Ông Trần Nguyễn Anh Minh	- Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 11 năm 2022 đến ngày 31 tháng 05 năm 2023)
Ông Trần Vũ	- Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 11 năm 2022)
Bà Nguyễn Minh Hằng	- Thành viên HĐQT (từ ngày 27/09/2023 đến 27/06/2024)
Bà Phan Thị Phương	- Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
Bà Lê Thị Chín	- Trưởng BKS (đến ngày 27/06/2024)
Ông Từ Vi Trí	- Kiểm soát viên (đến ngày 27/06/2024)
	- Kiểm soát viên
	- Trưởng BKS (từ ngày 02/07/2024)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.

Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Giao dịch	Kỳ/Năm Nay	Kỳ/Năm trước
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Chi phí Gia công		2,191,545,882
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Doanh thu dịch vụ		77,403,092
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Chi phí Gia công		1,031,404,870
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Doanh thu dịch vụ		215,894,862

c. Các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 với các bên có liên quan :

Các bên liên quan	Nội dung	Kỳ/Năm Nay	Kỳ/Năm trước
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Trả trước cho người bán	49,237,383,447	48,276,035,440
Blue Sai gon LLC	Phải thu	82,371,402	82,371,402
	Phải thu	-	48,848,466,564
Các bên liên quan	Nội dung	Kỳ/Năm Nay	Kỳ/Năm trước
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Phải trả	12,576,712,182	13,068,512,182

- Thù lao, thưởng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát và tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Kỳ/Năm Nay	Kỳ/Năm trước
	<u>Thù lao năm 2024</u>	<u>Thù lao năm 2023</u>
Thù lao, thưởng thành viên Hội đồng Quản Trị		<u>Thù lao năm 2022 *</u>
Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	45,000,000
Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	-
Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	30,000,000
Trần Nguyễn Anh Minh	Thành viên HĐQT	45,000,000
Nguyễn Thế Hiếu	Thành viên HĐQT (đến ngày 31 tháng 05 năm 2023)	25,000,000
Trần Vũ	Thành viên HĐQT	30,000,000

- (*) Công ty chỉ thù lao năm 2022 cho TV.HĐQT Trần Nguyễn Anh Minh và Nguyễn Thế Hiếu, chưa chi thù lao cho các thành viên còn lại.

Bên liên quan	Kỳ/Năm Nay	Kỳ/Năm trước
	<u>Thù lao năm 2024</u>	<u>Thù lao năm 2023</u>
Thù lao, thưởng thành viên Ban Kiểm Soát		<u>Thù lao năm 2022 *</u>
Phan Thị Phương	Trưởng BKS	24,000,000
Lê Thị Chín	Kiểm soát viên	14,400,000
Từ Vi Trí	Kiểm soát viên	14,400,000

- (*) Công ty chưa chi thù lao năm 2022 cho TV. BKS Lê Thị Chín và Từ Vi Trí.

Lương, Thưởng của Tổng Giám Đốc và người quản lý khác	Kỳ/Năm Nay	Kỳ/Năm trước
Nguyễn Minh Hằng	Tổng Giám Đốc kiêm Giám Đốc Tài Chính (*)	733,833,667
		673,412,554

4. Thông tin bộ phận

a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm trong ngành may. Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

b. Bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn hiện nay chủ yếu hoạt động tại TP.HCM do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

5. Quản lý rủi ro của công ty

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

Độ nhạy về ngoại tệ

Do công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

c. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá cổ phiếu:

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

Rủi ro về giá bất động sản:

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia

cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

- Rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

5.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	12,882,420,202	-	-	12,882,420,202
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	2,131,843,461	-	-	2,131,843,461
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	16,074,892,244	-	-	16,074,892,244
Chi phí phải trả	263,265,767	-	-	263,265,767
Các khoản phải trả khác	2,613,780,341	-	-	2,613,780,341

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	76,531,748,559	26,272,045,328	76,531,748,559	26,272,045,328
Phải thu khách hàng	4,078,875,430	52,813,872,628	4,078,875,430	52,813,872,628
Trả trước cho người bán	52,492,419,095	51,778,478,593	52,492,419,095	51,778,478,593
Các khoản phải thu khác	349,574,420	281,617,900	349,574,420	281,617,900
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	12,882,420,202	16,074,892,244	12,882,420,202	16,074,892,244
Người mua trả tiền trước	94,017,220	170,527,420	94,017,220	170,527,420
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người lao động	388,596,386	370,647,239	388,596,386	370,647,239
Chi phí phải trả	-	263,265,767	-	263,265,767
Các khoản phải trả khác	2,131,843,461	2,613,780,341	2,131,843,461	2,613,780,341

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối năm. Tuy nhiên, Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

7. Điều chỉnh trong báo cáo tài chính năm trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của kỳ này: Không có.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Hiện Công ty thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động, nhưng theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty hiện không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, nên Báo cáo này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2024



Trần Thị Thu Trâm
Người lập biểu



Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Hằng
Tổng Giám Đốc